

九

wánqiú
A玩球

chīwǎncān
C吃晚餐

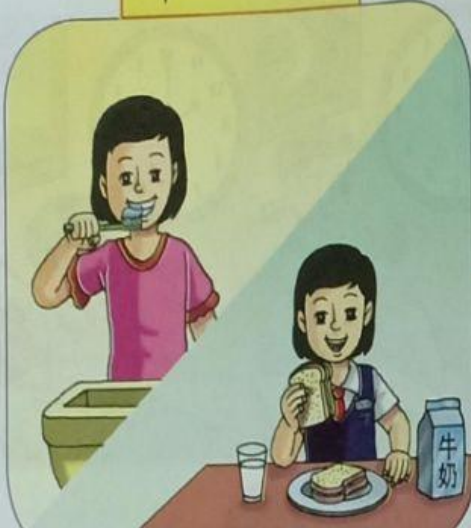
zǎocān
E早餐

shuìjiào
B睡觉

xǐwǎn
D洗碗

xǐliǎn
F洗脸

早上六时



wǒ xiānshuā yá ránhòuchī
我先刷牙, 然后吃 E。



wǒ xiānpǎo bù ránhòu
我先跑步, 然后

_____。



晚上十时

wǒ xiān _____ ránhòu
我先_____, 然后

_____。



wǒ xiān _____ ránhòu
我先_____, 然后

_____。